

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 22-9-2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Cửu Hưng,

2. Ông Trần Ngọc Ánh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng; địa chỉ: Khu phố B, Phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Thị Phương Th – Chuyên viên pháp lý Văn phòng Luật sư Hoàng Mai Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023*), bà *Thảo có mặt.*

Bị đơn: Ông Trần Đình D và bà Lê Thị Thuỳ A; cùng địa chỉ: Số nhà 779 đường Tr C K, phường ĐL, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2023, đơn sử đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 15/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/5/2022, ông Trần Đình D và bà Lê Thị Thuỳ A vay bà Nguyễn Thị Ánh Ng số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 26/5/2022, tiền lãi theo thỏa thuận. Đến thời hạn trả nợ nhưng ông D, bà A không trả nợ cho bà Ng theo như cam kết trong hợp đồng, bà Ng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông D, bà A vẫn không chịu trả.

Nay bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đình D và bà Lê Thị Thuỳ A phải liên đới trả cho bà Ng số tiền: 722.763.000 đồng (*bảy trăm hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn*) đồng, trong đó:

Tiền gốc: 600.000.000 đồng

Tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 22/9/2023 là 122.763.000 đồng, cụ thể:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $600.000.000 \times 0.0277\%/ngày \times 20$ ngày (06/5/2022 – 26/5/2022) = 3.334.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $3.334.000 \times 10\%/năm \times 1$ năm 3 tháng 26 ngày = $3.334.000 \times 10\% \times 1$ năm + $3.334.000 \times 0.833\%/tháng \times 3$ tháng + $3.334.000 \times 0.0277\%/ngày \times 26$ ngày = 440.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: $600.000.000 \times (10\%/năm \times 150\%) \times 1$ năm 3 tháng 26 ngày = $600.000.000$ đồng $\times 15\%/năm \times 1$ năm + $600.000.000$ đồng $\times 1.25\%/tháng \times 3$ tháng + $600.000.000 \times 0.0416\%/ngày \times 26$ ngày = 118.989.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Đình Dũng và bà Lê Thị Thùy A trình bày:

Thừa nhận số tiền nợ gốc còn nợ bà Ng là 600.000.000 đồng, nhưng không chấp nhận số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 06/5/2022 do nguyên đơn xuất trình cũng như việc thừa nhận của bị đơn có cơ sở khẳng định ngày 06/5/2022 ông D, bà Thùy A có vay bà Ng số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, thời hạn trả nợ là ngày 26/5/2022 nhưng đến nay vẫn chưa trả. Căn cứ vào thời hạn cam kết trả nợ thì khoản vay đã quá hạn do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông D và bà Thúy A phải có trách nhiệm trả cho bà Ng số tiền 600.000.000 đồng

Về tiền lãi: Theo Giấy vay tiền ngày 06/5/2022, các bên thỏa thuận bị đơn sẽ trả gốc và lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận, không ghi rõ lãi suất.

Thấy rằng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất, theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ, tại khoản 1 của điều luật quy định lãi suất không được vượt quá 20%/năm như vậy trong trường hợp này lãi suất không vượt quá 10%/năm ($0.833\%/tháng = 0.0277\%/ngày$). Vì vậy mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu đối với lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là phù hợp quy định của pháp luật.

Về thời gian tính lãi trong hạn chưa trả từ ngày vay 06/5/2022 đến ngày cam kết trả nợ 26/5/2022 là đúng, theo đó:

Lãi suất trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $600.000.000 \times 0.0277\%/ngày \times 20$ ngày (06/5/2022 – 26/5/2022) = 3.334.000 đồng.

Về tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc.

Vì vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $3.334.000 \times 10\%/năm \times 1 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 3.334.000 \times 10\% \times 1 \text{ năm} + 3.334.000 \times 0.833\%/tháng \times 3 \text{ tháng} + 3.334.000 \times 0.0277\%/ngày \times 26 \text{ ngày} = 440.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, theo đó lãi trên nợ gốc quá hạn chưa được xác định bằng 150% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự này tại thời điểm trả nợ, tại khoản 1 của điều luật quy định lãi suất không được vượt quá 20%/năm nhưng trong trường hợp này các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất nên lãi suất không vượt quá 10%/năm ($0.833\%/tháng \times 150\% = 1,25 \text{ \%/tháng} = 0.0416\%/ngày$).

Vì vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: $600.000.000 \times (10\%/năm \times 150\%) \times 1 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 600.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/năm \times 1 \text{ năm} + 600.000.000 \text{ đồng} \times 1.25\%/tháng \times 3 \text{ tháng} + 600.000.000 \times 0.0416\%/ngày \times 26 \text{ ngày} = 118.989.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi: 122.763.000 đồng.

[2] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh Ng, buộc bị đơn ông Trần Đình Dũ và bà Lê Thị Thuỳ A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 722.763.000 đồng (*bảy trăm hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn*) đồng, trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 122.763.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ

luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trần Đình D và bà Lê Thị Thuỳ A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.910.000 (ba mươi hai triệu chín trăm mười nghìn) đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CC THADS TP. Đông Hà;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Yến